

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:52/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19/4/2021

*“V/v Tranh chấp ly hôn và nuôi con  
chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Ông Phạm Công Định

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương:** Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 19/2021/HNGĐ – TLST ngày 12/01/2021 về việc “ *Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 31/3/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2021/QĐ-ST ngày 12/4/2021 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị Q, sinh năm 1988.

HKTT: Thôn Đ, xã Q, huyện L, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

2. Bị đơn : Anh Trần Bá D, sinh năm 1981.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh : Số nhà 37, ngõ 28, khu 3, phường N Thành phố H, tỉnh Hải Dương.

Hiện đang lao động tại Đài Loan ( vắng mặt).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan : Bà Bùi Thị Ph, sinh năm 1956.

Địa chỉ : Số nhà 37, ngõ 28, khu 3, phường N, Thành phố H, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai - Nguyên đơn chị Hồ Thị Q trình bày: Chị và anh D được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C (nay là phường N) ngày 28/3/2005. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh D mãi chơi, không tu trí làm ăn. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu

thuần, không tìm thấy tiếng nói chung, chị đã nhiều lần bỏ về nhà để sinh sống, sau đó do anh D xin lỗi nên chị đã quay về để chăm sóc con chung. Tuy nhiên vợ chồng sống cũng không hạnh phúc. Đầu năm 2018 anh D đi Đài Loan lao động, chị được biết anh D có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, vợ chồng nghi ngờ, không tin tưởng nhau. Từ năm 2019 chị đã về Gia Lộc ở, vợ chồng chấm dứt liên lạc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D

Về con chung : Vợ chồng chị có 2 con chung là Trần Thị Lâm O, sinh ngày 09/3/2005 và Trần Bá H, sinh ngày 30/10/2007. Hiện nay hai cháu đều ở với bà nội là bà Bùi Thị Ph. Ly hôn chị tôn trọng nguyện vọng của các con, nếu các con có nguyện vọng ở với bố chị cũng đồng ý và sẽ có trách nhiệm với các con. Trong thời gian anh D không ở Việt Nam, chị đồng ý để các con sống cùng với bà nội là bà Bùi Thị Ph.

Về tài sản chung, nợ chung : Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Q không cung cấp được địa chỉ của anh D ở Đài Loan. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Bùi Thị Ph là mẹ đẻ anh D, bà Ph xác định anh D đi Đài Loan từ năm 2018, đến nay chưa về Việt Nam. Bà không biết địa chỉ của anh D nên không thể cung cấp cho Tòa án. Tuy nhiên anh D thường xuyên liên lạc bằng điện thoại cho bà, việc chị Q có đơn xin ly hôn bà có biết. Thực tế chị Q, anh D sống không hạnh phúc, nguyên nhân do chị Q có quan hệ bất chính với người đàn ông khác, hai năm nay chị Q không còn ở nhà bà và để lại hai con cho bà chăm sóc. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh D biết. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, bà Ph xác định đã thông tin cho anh D biết. Anh D có quan điểm đồng ý ly hôn và xin được nuôi con, thời gian anh D không ở Việt Nam anh đã ủy quyền cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng cháu H và cháu O. Về tài sản chung, nợ chung anh D không đề nghị Tòa án giải quyết, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Cháu Trần Bá Hà là con chung của chị Q, anh D có quan điểm được ở với bố và bà nội khi bố mẹ ly hôn. Đối với cháu Trần Thị Lâm O hiện nay đã bỏ học và đi làm ăn xa, bà Ph cũng không biết địa chỉ của cháu O nên Tòa án không lấy được lời khai của cháu. Tuy nhiên thông qua bà Ph cháu O có quan điểm xin được ở với bố và bà nội khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn cơ bản đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn của chị Q, anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị Q được ly hôn anh D; về con chung: giao cháu Trần Thị Lâm O, sinh ngày 09/3/2005

và cháu Trần Bá H, sinh ngày 30/10/2007 cho anh D chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh D không có mặt tại Việt Nam, tạm giao cháu O, cháu H cho bà Bùi Thị Ph, chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Q phải có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh D mỗi con là 1.000.000 đồng/1 tháng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Q không cung cấp được địa chỉ của anh D ở Đài Loan. Theo hướng dẫn tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu gia đình anh D cung cấp địa chỉ, nhưng gia đình không cung cấp được. Qua xác minh tại gia đình anh D thì được biết, anh D vẫn thường xuyên liên lạc với mẹ đẻ là bà Bùi Thị Ph, đồng thời thông qua bà Ph anh D có quan điểm đồng ý ly hôn với chị Q. Do vậy Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục cố tình giấu địa chỉ. Anh D đồng ý để bà Ph chăm sóc nuôi dưỡng cháu O, cháu H trong thời gian anh không ở Việt Nam nên Tòa án xác định bà Bùi Thị Ph là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Q, bà Ph, anh D có quan điểm xin được xét xử vắng mặt. Do vậy căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hồ Thị Q và anh Trần Bá D kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C (nay là phường N) ngày 28/3/2005, do vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau ngày cưới vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tìm thấy tiếng nói chung. Năm 2018 sau khi anh D đi nước ngoài, mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng, hai bên không tin tưởng, nghi ngờ sự chung thủy dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Chị Q đã về nhà đẻ ở, vợ chồng chấm dứt liên lạc. Nay chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn. Thông qua gia đình, anh D cũng có quan điểm đồng ý ly hôn với chị Q. Xét thấy thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Q, anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nay cả hai đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Q.

- *Về con chung:* Chị Hồ Thị Q và anh Trần Bá D có 02 con chung là Trần Thị Lâm O, sinh ngày 09/3/2005 và Trần Bá H, sinh ngày 30/10/2007. Từ khi chị Q bỏ về quê sinh sống thì hai cháu sống cùng bà nội. Ly hôn chị Q

tôn trọng ý kiến của các con, cháu H và cháu O đều có nguyện vọng được ở với bố và bà nội khi bố mẹ ly hôn. Bà Bùi Thị Ph có quan điểm đồng ý nhận ủy quyền của anh D, chăm sóc các cháu trong thời gian anh D không ở Việt Nam. Do vậy để đảm bảo sự ổn định cũng như nguyện vọng của các cháu, cần giao cháu O, cháu H cho anh D nuôi dưỡng. Trong thời gian anh D không ở Việt Nam, tạm giao cháu O, cháu H cho bà Bùi Thị Ph chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Chị Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000 đ/1 tháng cho một cháu, kể từ tháng 04/2021 cho đến khi cháu O, cháu H tròn 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3].Về án phí: Chị Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì những lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hồ Thị Q được ly hôn anh Trần Bá D.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Thị Lâm O, sinh ngày 09/3/2005 và Trần Bá H, sinh ngày 30/10/2007 cho anh Trần Bá D nuôi dưỡng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Chị Hồ Thị Q phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 1.000.000 đ/1cháu/1tháng kể từ tháng 4/2021 đến khi cháu O, cháu H tròn 18 tuổi. Trong thời gian anh D không có mặt tại Việt Nam tạm giao cháu O, cháu H cho bà Bùi Thị Ph chăm sóc, nuôi dưỡng.

*Chị Q được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.*

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Hồ Thị Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đồng án phí cấp dưỡng tiền nuôi con, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp, theo biên lai thu số AA/2018/0005713 ngày 12 tháng 01 năm 2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị Q đã nộp đủ án phí ly hôn. Chị Q còn phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Hồ Thị Q và bà Bùi Thị Ph được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Anh Trần Bá D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKS tỉnh Hải Dương
- Các đương sự.
- UBND phường N
- UBND xã Q.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**( Đã Ký)**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**